

Lao động di cư từ Nghệ An: thực trạng và những vấn đề đặt ra

Trần Thị Hồng*, Trần Thị Thanh Loan**

Nhận ngày 13 tháng 8 năm 2022. Chấp nhận đăng ngày 29 tháng 9 năm 2022.

Tóm tắt: Bài viết phân tích thực trạng lao động di cư trong nước và quốc tế từ Nghệ An. Kết quả cho thấy những lợi ích từ di cư gồm có: sự cải thiện về nguồn thu nhập, giải quyết việc làm cho lao động ở địa phương và sự cải thiện chất lượng nguồn lao động (đối với lao động di cư quốc tế). Di cư cũng mang lại cơ hội tiếp cận nhà ở, nước sạch và nhà tiêu hợp vệ sinh cho trẻ em và người cao tuổi. Tuy nhiên, những nguy cơ được nhận diện bao gồm: nguồn thu nhập từ di cư gặp thách thức bởi những rủi ro từ dòng di cư tự phát qua biên giới, ảnh hưởng dịch bệnh Covid-19. Đồng thời, tỷ lệ trẻ em ngoài nhà trường ở các gia đình di cư cao hơn so với ở các gia đình không di cư. Điều này gọi ra sự cần thiết của các biện pháp hỗ trợ lao động di cư chịu ảnh hưởng của dịch bệnh, các chương trình hỗ trợ thành viên gia đình có người di cư trong chăm sóc và giáo dục trẻ em.

Từ khóa: Lao động việc làm, di cư, lao động di cư, chăm sóc trẻ em.

Phân loại ngành: Xã hội học

Abstract: The article analyzes the current situation of domestic and international migrant workers from Nghệ An. The results show that the benefits from migration include an improvement of income, job creation for local workers and an improvement in the quality of labor resources (for international migrant workers). Migration also provides access to housing, clean water and hygienic latrines for children and the elderly. However, some risks are identified, including: income from migration is challenged by risks from spontaneous migration across borders, impacts of Covid-19 pandemic. At the same time, the proportion of out-of-school children in migrant families is higher than in non-migrant families. This suggests the need for measures to support migrant workers affected by the pandemic, programs to support family members of migrants in the care and education of children.

Keywords: Employment, migration, migrant workers, child care.

Subject classification: Sociology

1. Đặt vấn đề

Tỉnh Nghệ An nằm ở trung tâm khu vực Bắc Trung Bộ, có diện tích tự nhiên lớn nhất trong khu vực. Nghệ An có 1 thành phố, 3 thị xã và 17 huyện, trong đó có 11 huyện là miền núi. Có 3 huyện nghèo được hưởng chính sách đầu tư theo Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 và 1 huyện được hưởng cơ chế đầu tư theo Quyết định số 293/QĐ-TTg ngày 05/2/2013 của Thủ tướng Chính phủ. Có 106 xã đặc biệt khó khăn thuộc diện đầu tư của Chương trình 135 và 12 xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển, địa hình tương đối đa dạng và phức tạp, vừa có núi cao, núi trung bình, đồng bằng ven biển (Tỉnh ủy Nghệ An, 2019). Dân số trung bình tỉnh Nghệ An năm 2021 ước đạt 3.415.900 người, đứng thứ tư cả nước. Trong đó, lực lượng lao động có hơn 1,9 triệu người, hàng năm bổ sung hơn 30.000 người, tạo lợi thế về nguồn lao động dồi dào, nhưng cũng là thách thức khi giải quyết việc làm cho người lao động (Cục Thống kê Nghệ An, 2021). Trong giai đoạn 2016-2020, Nghệ An tăng trưởng kinh tế chưa bền vững, chuyển dịch cơ cấu kinh tế chậm, năng suất lao động còn thấp, lao động thiếu việc làm còn lớn. Khu vực miền núi, biên giới của tỉnh

*, ** Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

Email: hongxh@gmail.com

rộng lớn, điều kiện tự nhiên không thuận lợi, nên đời sống của một bộ phận nhân dân, nhất là vùng sâu, vùng xa, vẫn còn khó khăn (Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An, 2020). Các yếu tố khó khăn về địa hình cư trú và điều kiện kinh tế, cùng với lực lượng lao động đông, đã thúc đẩy nhiều người lao động tại Nghệ An di cư tới các tỉnh thành và các quốc gia khác.

Bài viết này¹ tập trung phân tích thực trạng lao động di cư trong nước và quốc tế từ Nghệ An. Những lợi ích kinh tế xã hội mà dòng di cư này mang lại, cũng như những nguy cơ đặt ra, sẽ được phân tích trong bài viết. Trên cơ sở đó, bài viết gợi mở những vấn đề tỉnh Nghệ An cần quan tâm để có thể thúc đẩy dòng di cư an toàn và hiệu quả trong bối cảnh hiện nay. Những vấn đề liên quan đến lao động di cư ở Nghệ An cũng sẽ cung cấp bằng chứng thực tế để gợi mở các đề xuất chính sách về lao động di cư ở Việt Nam.

2. Phương pháp nghiên cứu và nguồn số liệu

Bài viết là sản phẩm từ Đề tài khoa học cấp Bộ “Một số vấn đề dân số trong phát triển kinh tế xã hội bền vững của tỉnh Nghệ An” do Văn phòng Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam và Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn tỉnh Nghệ An đồng chủ trì thực hiện trong các năm 2020-2022.

Phương pháp phân tích tài liệu thứ cấp được sử dụng. Dữ liệu được sử dụng trong bài báo này bao gồm: báo cáo, số liệu thống kê của Sở Lao động - Thương binh và xã hội tỉnh Nghệ An, số liệu thống kê của 21 huyện/ thị xã của Nghệ An, số liệu Điều tra Dân số và Nhà ở tại Nghệ An năm 2009 & 2019. Bên cạnh đó, các cuộc thảo luận nhóm đại diện cán bộ chủ chốt cấp tỉnh, huyện, xã và thành viên gia đình có người di cư tại thị xã Hoàng Mai, huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An cũng được triển khai năm 2021 để thu thập thông tin.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Thực trạng dòng lao động di cư từ Nghệ An di cư trong nước

a) Di cư trong nước

Giai đoạn 2005-2009, Nghệ An là tỉnh xuất cư (với tỷ số di cư thuần âm khá cao: -46,4%), nhưng giai đoạn tiếp theo, từ 2009-2014, Nghệ An có mức di cư thuần dương (7,5%). Sự thay đổi xu hướng dòng di cư này là do sự phát triển các khu công nghiệp mới tại tỉnh làm tăng mạnh số người nhập cư vào tỉnh (từ 28.000 người giai đoạn 2004-2009 lên 120 nghìn người giai đoạn 2009-2014) (Tổng cục Thống kê, 2016). Đến giai đoạn 2014-2019, Nghệ An lại trở thành tỉnh xuất cư với tỷ suất di cư thuần âm là -32,6%, xếp thứ 33 trong tổng số 51 tỉnh, thành phố có tỷ suất di cư thuần âm. Năm 2019, tỷ suất di cư thuần của Nghệ An là -30,3%, cao hơn so với tỷ suất của khu vực Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung. Số liệu cho thấy, nữ giới có xu hướng di cư nội địa nhiều hơn so với nam giới.

Bảng 1: Tỷ suất nhập cư, tỷ suất xuất cư và tỷ suất di cư thuần theo giới tính tại Nghệ An, vùng và quốc gia.

	Đơn vị: ‰								
	Tỷ suất nhập cư			Tỷ suất xuất cư			Tỷ suất di cư thuần		
	Chung	Nam	Nữ	Chung	Nam	Nữ	Chung	Nam	Nữ
Nghệ An	4,9	4,4	5,5	35,2	32,3	38,0	- 30,3	-27,9	-32,5
Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung	4,9	4,9	5,0	29,6	28,9	30,2	- 24,7	-24,1	-25,2
Toàn quốc	22,2	22,1	22,3	22,2	22,1	22,3	0	0	0

Nguồn: Tổng cục Thống kê, *Kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở, 2019*.

¹ Bài viết là sản phẩm từ Đề tài khoa học cấp Bộ do Văn phòng Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam và Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn tỉnh Nghệ An đồng chủ trì thực hiện năm 2020-2022 với tiêu đề “Một số vấn đề dân số trong phát triển kinh tế xã hội bền vững của tỉnh Nghệ An”.

Xét theo địa bàn, các huyện Quỳnh Châu, Kỳ Sơn, Nghĩa Đàn có tỷ suất di cư thuần lớn nhất ở Nghệ An vào năm 2019, với số liệu tương ứng là: -61,1%, -60,7%, -48,2%. Đây là các huyện thuộc miền núi phía tây Nghệ An. Trong khi đó, thị xã Thái Hòa, huyện Nghi Lộc, thị xã Hoàng Mai thuộc khu vực đồng bằng là những địa bàn có tỷ suất xuất cư thấp hơn, với số liệu tương ứng là: -20,8%, -18,6%, -14,6%. Đặc biệt, chỉ có thành phố Vinh có tỷ suất di cư thuần dương (0,2 ‰).

Dòng di cư nội địa từ Nghệ An có xu hướng di cư tới các tỉnh thành có điều kiện kinh tế phát triển hơn, nhiều cơ hội việc làm có thu nhập hơn. Theo tổng hợp của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Nghệ An, hiện lao động người Nghệ An đang lưu trú và làm việc ở các tỉnh, thành phố khác trong cả nước là trên 120.000 người, chủ yếu là lao động trẻ, tập trung ở nhóm tuổi 15-35 (chiếm 65%), lao động nữ chiếm trên 50%. Người lao động chủ yếu làm việc trong nhà máy, khu công nghiệp, khu kinh tế, khu chế xuất, khu công nghệ cao với các lĩnh vực như: điện tử, may mặc, giày da hoặc hành nghề tự do tại các thành phố lớn như: Hà Nội (5.313 người), Tp. Hồ Chí Minh (49.466 người), Bình Dương (26.231 người), Bắc Ninh (14.000 người), Đồng Nai (6.567 người), Quảng Ninh (6.000 người),... (Dương Thị Hồng Vân, 2020). Lý thuyết kinh điển (classical theory) của Lewis (1940) nhấn mạnh rằng, trong nền kinh tế chậm phát triển, di cư nông thôn - thành thị là sự dịch chuyển lao động dư thừa từ khu vực nông nghiệp truyền thống tự cung, tự cấp sang khu vực kinh tế tư bản hiện đại sử dụng lao động làm thuê để kiếm lợi nhuận (Lê Ngọc Hùng, 2018). Lý thuyết này đúng với thực tế dòng di cư nội địa ở Nghệ An hiện nay khi dòng di cư đang di chuyển từ khu vực có địa hình, điều kiện kinh tế khó khăn tới khu vực có tiềm năng phát triển cao hơn.

b) Di cư quốc tế

Trường hợp di cư quốc tế theo hợp đồng lao động, giai đoạn 2017-2019, Nghệ An dẫn đầu cả nước về số lượng người lao động đi làm việc ở nước ngoài với hơn 13.500 lao động có thời hạn ở khoảng 15 quốc gia, vùng lãnh thổ trên thế giới (Dương Thị Hồng Vân, 2020). So sánh về tỷ lệ người đi lao động ở nước ngoài theo hợp đồng giữa Nghệ An với một số tỉnh ở khu vực Bắc Trung Bộ cho thấy, trong năm 2018, ở Nghệ An, tỷ lệ người đi làm việc ở nước ngoài là 36,7%, đứng đầu trong khu vực Bắc Trung Bộ. Tỷ lệ người đi làm việc ở nước ngoài ở Nghệ An cao hơn so với tỷ lệ của cả nước là 28,7 điểm phần trăm.

Theo rà soát của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Nghệ An, tính đến ngày 31/03/2020, có 91.838 công dân Nghệ An đang cư trú và làm việc ở khoảng 20 quốc gia, vùng lãnh thổ trên thế giới, với các ngành, nghề khác nhau, từ lao động giản đơn đến lao động kỹ thuật cao. Số lượng người lao động phân bố khác nhau ở các địa bàn, trong đó tập trung vào một số quốc gia: Đài Loan, Nhật Bản, Malaysia, Hàn Quốc, khu vực Trung Đông, khu vực Đông Âu... Các huyện Nghi Lộc, Nam Đàn, Yên Thành, Đô Lương, Diễn Châu có số lượng người đi làm việc ở nước ngoài cao hơn so với các địa bàn khác. Cụ thể, trong 2016-2020, số lượng lao động đi làm việc ở nước ngoài ở Nghi Lộc là 6.106 người, ở Nam Đàn là 5.628 người, ở Yên Thành là 5.600 người, ở Quế Phong là 412 người, ở Tương Dương là 373 người, ở Kỳ Sơn là 255 người. So với di cư nội địa, có thể thấy khu vực đồng bằng có tỷ lệ di cư quốc tế cao hơn, trong khi khu vực miền núi có tỷ lệ di cư nội địa nhiều hơn. Phải chăng, di cư quốc tế thường cần có khoản chi phí lớn cho việc xuất cư khiến cư dân ở khu vực miền núi khó đáp ứng điều này.

Bên cạnh dòng di cư quốc tế có hợp đồng lao động, còn có một tỷ lệ đáng kể lao động Nghệ An di cư qua biên giới. Theo báo cáo của các huyện, thành, thị và các Sở ban ngành liên quan, hiện nay trên địa bàn tỉnh Nghệ An, có 12.408 người lao động đang làm việc ở vùng biên giới không có hợp đồng theo quy định của Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài. Trong đó, số lượng lao động sang Lào là 5.693 người, Trung Quốc là 5.488 người, Thái Lan là 564 người và Campuchia là 663 người. Nhóm di cư tự do này tập trung chủ yếu ở các huyện Nam Đàn, Yên Thành, Quỳnh Lưu, Quỳnh Hợp, Tương Dương, và chủ yếu ở các tỉnh giáp biên. Số lao động này chủ yếu làm việc trong các lĩnh vực: xây dựng, khai thác, nông nghiệp, buôn bán nhỏ và các lĩnh vực

khác. Đáng chú ý, nhóm lao động này thường xuyên phải đối mặt với rủi ro không được bảo vệ quyền lợi ở nước đến làm việc (không được tham gia bảo hiểm, không được hỗ trợ khi gặp rủi ro, bị giam giữ, trục xuất về nước khi bị phát hiện...) do di cư sang làm việc nhưng bằng con đường du lịch (Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Nghệ An, 2017).

3.2. Di cư và thu nhập, điều kiện sống của hộ gia đình người di cư

Di cư mang lại lợi ích kinh tế cho người di cư và gia đình, cộng đồng của họ. Điều này được khẳng định qua các kết quả điều tra quốc gia và số liệu thống kê của Nghệ An. Theo kết quả điều tra di cư nội địa quốc gia năm 2015 cho thấy, trên phạm vi toàn quốc, di cư được ghi nhận mang lại nguồn thu nhập tốt hơn cho người lao động. Trung bình một lao động di cư gửi về 9,4 triệu đồng/năm. Lao động di cư nam gửi tiền về nhiều hơn nữ (trung bình là 10,3 triệu/năm và 8,7 triệu đồng/năm). Tiền gửi về nhà đã được sử dụng cho nhiều mục đích, nhưng nhìn chung, theo những người gửi tiền thường xuyên về nhà, các khoản tiền này được dùng để cải thiện các điều kiện sinh hoạt hàng ngày của gia đình (78%) hơn là để đầu tư phát triển sản xuất (6,7%). Chi tiêu cho học hành, khám chữa bệnh chiếm khoảng 25% (Tổng cục Thống kê, UNFPA, 2015).

Tại Nghệ An, mục đích để có thu nhập cao hơn cũng là lực hút quan trọng đối với người di cư. Thông tin từ khảo sát thực tế của đề tài cấp Bộ “Một số vấn đề trong phát triển kinh tế xã hội bền vững của tỉnh Nghệ An” năm 2021 cho biết, tiền lương trung bình ở các doanh nghiệp tại Nghệ An dao động ở mức 5.000.000-6.000.000 đồng/ tháng. Theo số liệu từ Niên giám thống kê Nghệ An 2019, thu nhập bình quân một tháng của người lao động trong doanh nghiệp năm 2018 ở Nghệ An là 5.871.600 đồng/ tháng. Mức thu nhập bình quân này có sự chênh lệch giữa các huyện, với mức cao nhất được ghi nhận ở thị xã Hoàng Mai (7.671.000 đồng/ tháng), huyện Nghĩa Đàn (7.441.800 đồng/ tháng), thành phố Vinh (6.288.000 đồng/ tháng) và mức thấp nhất được ghi nhận ở thị xã Thái Hòa (3.560.4000 đồng/ tháng), huyện Quỳnh Châu (3.996.700 đồng/ tháng). Còn mức lương trung bình ở doanh nghiệp ngoại tỉnh mà người lao động di cư đến làm việc (các doanh nghiệp ở các tỉnh/ thành phố khác như Tp. Hồ Chí Minh, Hà Nội, Bắc Ninh,...) dao động ở mức 10.000.000 đồng/ tháng. Như vậy, rõ ràng tiền lương của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh chưa tạo được sức hút đối với người lao động. Hiện không có số liệu thống kê cụ thể về mức thu nhập hay khoản tiền gửi về của lao động di cư nội địa và di cư quốc tế từ Nghệ An. Tuy nhiên, số liệu ước tính về mức thu nhập theo nhóm nghề của từng nhóm di cư đã cho thấy mối quan hệ chặt chẽ giữa việc di cư và tăng thu nhập.

Bảng 2: Mức thu nhập bình quân từ việc làm ở địa phương và việc làm khi di cư.

Việc làm	Mức thu nhập (triệu đồng)
Mức thu nhập bình quân đầu người (năm 2019)	2,8 triệu đồng/ người/ tháng
Việc làm ở Nghệ An	5-6 triệu đồng/ tháng
Việc làm ở các thành phố lớn tại Việt Nam	10 triệu đồng/ tháng
Việc làm ở Malaysia	12 triệu đồng/ người/ tháng
Việc làm ở Lào	15-30 triệu đồng/ người/ tháng
Việc làm ở Nhật/ Hàn Quốc	35 triệu đồng/ người/ tháng

Nguồn: Tổng hợp từ thông tin Đề tài khoa học “Một số vấn đề trong phát triển kinh tế xã hội bền vững của tỉnh Nghệ An”, 2021.

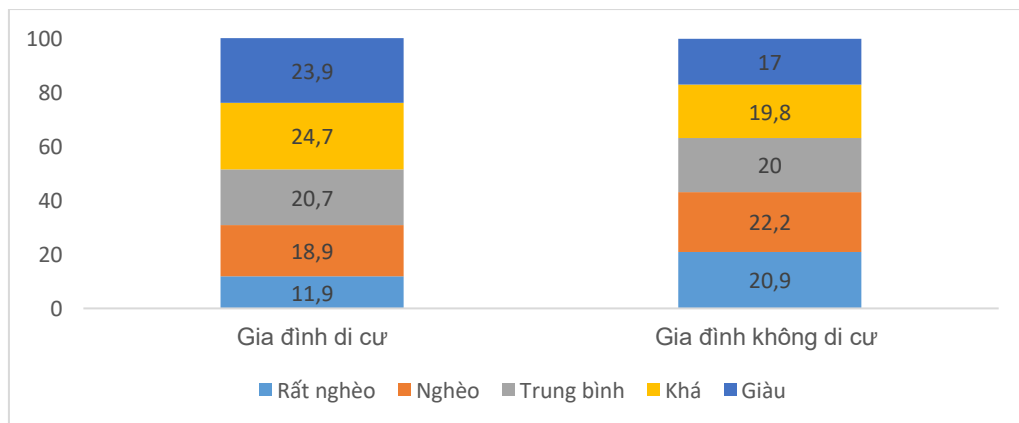
Thông tin từ cán bộ xã tại Nghệ An cũng khẳng định lợi ích kinh tế của di cư: “di cư giúp tạo việc làm phù hợp cho người dân. Vì việc làm trên địa bàn xã thường là các công việc khai thác đá, không tốt cho sức khỏe, nên người dân không lựa chọn, mà di cư đến nơi khác để tìm việc. Thu nhập từ di cư giúp người dân xây dựng nhà cửa, mua sắm tài sản gia đình, thúc đẩy sản xuất hộ gia đình, đổi mới bộ mặt của nông thôn mới và có nguồn lực cho địa phương” (Thông tin từ thảo luận nhóm cán bộ, xã Châu Quang, huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An).

Đối với lao động di cư quốc tế, ngoài mức lương cơ bản, người lao động còn được tăng thêm thu nhập từ việc tăng ca, thưởng..., nên thu nhập thực tế của lao động cao hơn lương cơ bản từ 1,2 đến 1,5 lần, đặc biệt, tại thị trường Hàn Quốc gấp 2 đến 2,5 lần. Sau khi về nước, trừ những trường hợp gặp rủi ro phải về nước trước thời hạn, đa số người lao động đã xây dựng được nhà cửa, mua sắm các vật dụng sinh hoạt, nâng cao đời sống gia đình, đầu tư sản xuất kinh doanh phát triển kinh tế gia đình (Tỉnh ủy Nghệ An, 2019). Ước tính nguồn thu nhập do người lao động đi làm việc ở nước ngoài chuyên về tình hàng năm đạt 500 triệu USD/ năm (Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An, 2020).

Phân tích số liệu Điều tra Dân số và Nhà ở năm 2019 cũng cho thấy, điều kiện sống của hộ gia đình có người di cư có xu hướng tốt hơn so với gia đình không có người di cư. Tỷ lệ gia đình có điều kiện sống ở mức khá, giàu ở nhóm có thành viên di cư là 48,6%, cao hơn 11,8 điểm phần trăm so với nhóm không có thành viên di cư.

Biểu đồ 1: Điều kiện sống của hộ gia đình theo ngũ vị phân theo nhóm gia đình có người di cư và gia đình không có người di cư.

Đơn vị: %



Nguồn: Số liệu Điều tra dân số và nhà ở tại Nghệ An, 2019.

Những lợi ích về kinh tế của lao động di cư là không thể phủ nhận. Tuy nhiên, lao động di cư đã và đang phải đối mặt với nhiều thách thức trong bối cảnh biến đổi xã hội, đặc biệt là nhóm di cư tự do, làm việc không có hợp đồng lao động. Đại dịch bùng phát và kéo dài trong hai năm 2020, 2021 đã lộ rõ tình trạng bấp bênh về việc làm và thu nhập của nhóm lao động nhập cư trên toàn thế giới. Họ thường là đối tượng bị các doanh nghiệp cho thôi việc đầu tiên. Số liệu thống kê của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Nghệ An cho biết, đa số người di cư từ những vùng dịch trở về quê là những người lao động tự do, không có hợp đồng lao động (62,9%). Mất việc làm và trở về từ vùng dịch đồng nghĩa với thu nhập của người di cư bị giảm sút hoặc không có (Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Nghệ An, 2021). Lao động di cư quốc tế cũng đã và đang gặp phải những trở ngại về giảm, thậm chí mất việc làm và thu nhập, do ảnh hưởng của dịch Covid-19. Theo báo cáo của Cục Quản lý Lao động Ngoài nước, tính đến tháng 09/2020, số lao động đăng ký về nước là 25.000 lao động từ Đài Bắc Trung Hoa và khoảng 13.000 lao động từ Nhật Bản (số liệu không phân tách giới tính). Do số lao động di cư theo các kênh không chính thức khá lớn, nên có khả năng con số lao động đã đăng ký về nước không bao quát hết số lao động di cư hiện đang gặp khó khăn mà vẫn ở lại nước ngoài hoặc tìm cách về nước mà chưa về được (trích lại từ UN Women, ADB, ILO, AusAid, 2021).

Bên cạnh đó, tình trạng làm việc không có hợp đồng lao động của nhiều lao động di cư quốc tế ảnh hưởng tiêu cực đến việc làm và thu nhập của họ. Theo số liệu thống kê của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Nghệ An, tính đến tháng 3/2020, trong số 91.838 người lao động đang cư trú và làm việc tại nước ngoài, có 14,1% lao động cư trú bất hợp pháp. Huyện Yên Thành, thành

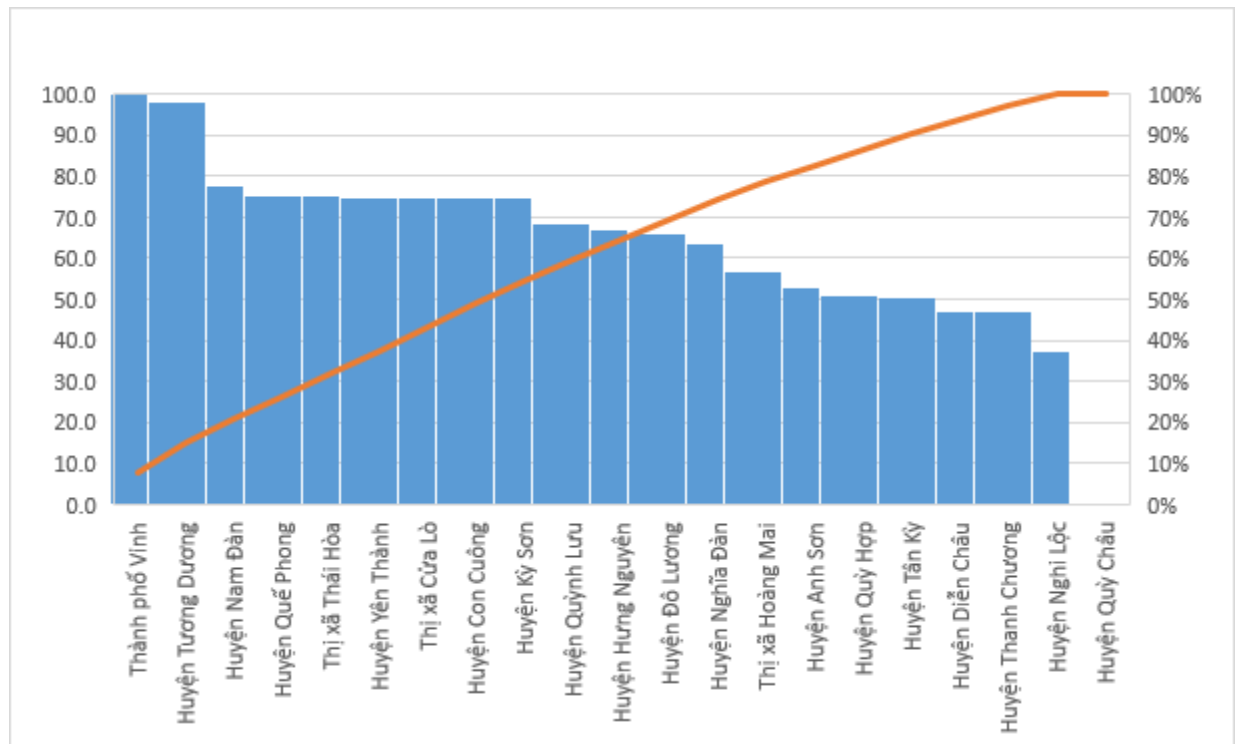
phố Vinh, huyện Anh Sơn, Diễn Châu là những địa bàn có tỷ lệ lao động di cư ra nước ngoài làm việc cư trú bất hợp pháp cao hơn so với các địa bàn khác, với tỷ lệ tương ứng là: 34%, 25%, 20%, 15%. Lao động cư trú bất hợp pháp có thể là kế hoạch ngay từ đầu của người lao động di cư để giảm thiểu chi phí ra nước ngoài làm việc. Ngoài ra, đó còn có thể là lựa chọn của người lao động khi rơi vào hoàn cảnh doanh nghiệp hoạt động dịch vụ không kết nối đúng với công việc thỏa thuận, khiến họ phải làm các công việc thu nhập thấp, không đủ để trang trải cuộc sống và trả nợ khoản vay để đi làm việc ở nước ngoài. Thực tế cho thấy, có nhiều trường hợp người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng đã phải bỏ ra ngoài làm việc do không có được việc làm như thông tin doanh nghiệp hoạt động dịch vụ chia sẻ và ký kết ban đầu. Rõ ràng, việc quản lý sao cho doanh nghiệp hoạt động hiệu quả là cần thiết để đảm bảo quyền lợi của người lao động về việc làm và thu nhập.

3.3. Di cư và phát triển nguồn lao động

Đối với lao động đi làm việc ở nước ngoài, cơ hội đào tạo, phát triển nguồn lao động có kỹ năng, tay nghề thông qua di cư được thấy rõ qua số liệu thống kê về số lượng lao động được đào tạo. Theo số liệu của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, trong số người lao động được đưa đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, số lao động được đào tạo chiếm 61,4%. Người lao động di cư được đào tạo về ngoại ngữ và các kỹ năng mềm, kỹ năng làm việc tùy theo từng ngành nghề. Số liệu về tỷ lệ lao động đã qua đào tạo trong số lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng cho thấy, đa số người lao động ở các huyện đều được đào tạo trước khi đi làm việc. Đạt tỷ lệ cao nhất là người lao động ở thành phố Vinh và huyện Tương Dương. Gần như 100% người lao động di cư đã được đào tạo.

Biểu đồ 2: Tỷ lệ người lao động đã qua đào tạo trong số lao động đi làm việc ở nước ngoài của các huyện.

Đơn vị: %



Nguồn: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Nghệ An, 2022.

Nguồn lao động được đào tạo đó, khi trở về địa phương, sẽ đóng góp vào lực lượng lao động có tay nghề ở địa phương. Theo thông tin từ Tỉnh ủy Nghệ An, nhiều người lao động sau khi làm việc ở nước ngoài về nước có tay nghề cao, tiếp tục vào làm việc tại các doanh nghiệp FDI có vốn đầu tư nước ngoài có mức thu nhập cao và ổn định. Đi làm việc ở nước ngoài tạo điều kiện cho nhiều người lao động có việc làm với thu nhập cao, giảm được chi phí đầu tư của Nhà nước cho đào tạo nghề và giải quyết việc làm trong nước, đồng thời tăng thu ngoại tệ cho địa phương. Người lao động được nâng cao tay nghề, tiếp thu được công nghệ sản xuất mới và phương pháp quản lý tiên tiến, được rèn luyện tác phong và kỷ luật lao động công nghiệp (Tỉnh ủy Nghệ An, 2019).

Đối với lao động di cư nội địa, chưa có đầy đủ dữ liệu để nhận định và đánh giá về mối liên hệ giữa di cư với phát triển nguồn nhân lực. Ngược lại, vấn đề di cư nội địa và việc “chảy máu” nguồn nhân lực có chất lượng lại được nhóm cán bộ chủ chốt thành phố Vinh đặt ra: “di cư đi là lực lượng di cư chất lượng cao, vì họ chủ yếu là những sinh viên đi học và không trở về địa phương. Họ thường vào các tỉnh phía Nam tìm việc làm để có thu nhập cao hơn, môi trường và điều kiện làm việc tốt hơn. Điều này dẫn đến tình trạng mất chất xám. Từ đó đặt vấn đề cần có chiến lược thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao của địa phương” (Tọa đàm nhóm cán bộ chủ chốt tại thành phố Vinh, Nghệ An).

Theo kết quả điều tra di cư nội địa quốc gia năm 2015, tỷ lệ người di cư có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao hơn người không di cư (khoảng 31,7%, so với 24,5%). Tỷ lệ người di cư có trình độ cao đẳng, đại học hoặc trên đại học là 23,1%, còn tỷ lệ này ở người không di cư là 17,4%. Sự khác biệt này là do, trong số học sinh, sinh viên từ nông thôn ra thành thị học, rất ít người trở về quê, mà ở lại làm việc tại thành thị. Số liệu điều tra dân số và nhà ở năm 2019 của Nghệ An cũng cho thấy, trong số lực lượng di cư nội địa, có một tỷ lệ đáng kể người có trình độ đại học trở lên (22,6%). So với khu vực Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung, tỷ lệ người lao động có trình độ cao đẳng và đại học trở lên ở Nghệ An có xu hướng di cư nhiều hơn. Điều này ra đặt ra thách thức cho địa phương xuất cư về hiện trạng thiếu hụt nguồn lao động có chất lượng cao.

Bảng 3: Tỷ lệ người di cư từ 15 tuổi trở lên đạt trình độ chuyên môn kỹ thuật cao nhất chia theo Nghệ An, vùng và quốc gia.

	<i>Đơn vị: %</i>				
	Không có CMKT	Sơ cấp	Trung cấp	Cao đẳng	Đại học trở lên
Nghệ An	55,1	6,8	5,7	9,8	22,6
Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung	53,9	8,1	6,9	9,3	21,8
Toàn quốc	62,8	7,6	4,6	5,9	19,1

Nguồn: Tổng cục Thống kê, 2019.

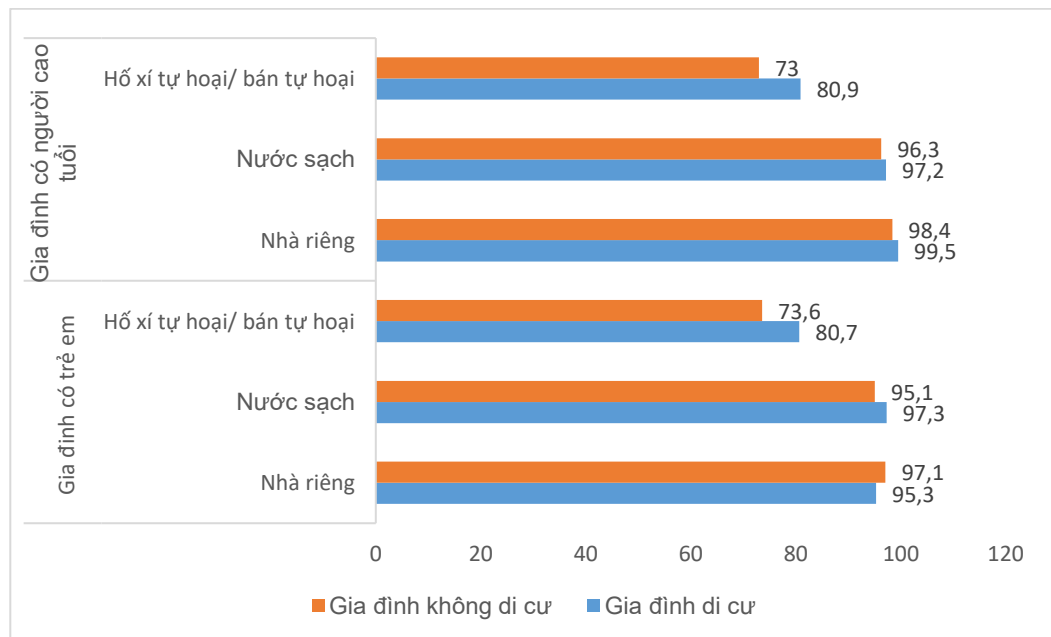
3.4. Di cư và việc chăm sóc cho trẻ em và người cao tuổi

Đối với việc chăm sóc đời sống vật chất, nhiều nghiên cứu đã chỉ ra rằng, thành viên gia đình di cư có thể phải đối mặt với những khó khăn trong tiếp cận các dịch vụ nhà ở, nước sạch,... Tuy nhiên, thực tế này không hoàn toàn đúng với Nghệ An. Phân tích số liệu điều tra dân số và nhà ở tại tỉnh Nghệ An năm 2019 cho thấy, ở các gia đình có trẻ em dưới 18 tuổi, tỷ lệ có nhà riêng của nhóm gia đình di cư thấp hơn một chút so với gia đình không di cư (95,3% so với 97,1%) nhưng

tỷ lệ tiếp cận với nước sạch và hố xí hợp vệ sinh ở nhóm gia đình di cư lại cao hơn một chút so với gia đình không di cư. Ở các gia đình có người cao tuổi (từ 60 tuổi trở lên), tỷ lệ có nhà riêng, tiếp cận với nước sạch, hố xí hợp vệ sinh ở nhóm gia đình có thành viên di cư đều cao hơn một chút so với gia đình không có người di cư. Như đã phân tích ở trên, di cư có khả năng mang lại lợi ích kinh tế cho người lao động và gia đình họ. Đây có lẽ là nguồn lực quan trọng để gia đình tiếp cận các dịch vụ về nhà ở, nước sạch², hố xí hợp vệ sinh.

Biểu đồ 3: Tỷ lệ gia đình có trẻ em/ người cao tuổi tiếp cận với các dịch vụ xã hội chia theo nhóm gia đình có người di cư và gia đình không có người di cư (%)

Đơn vị: %



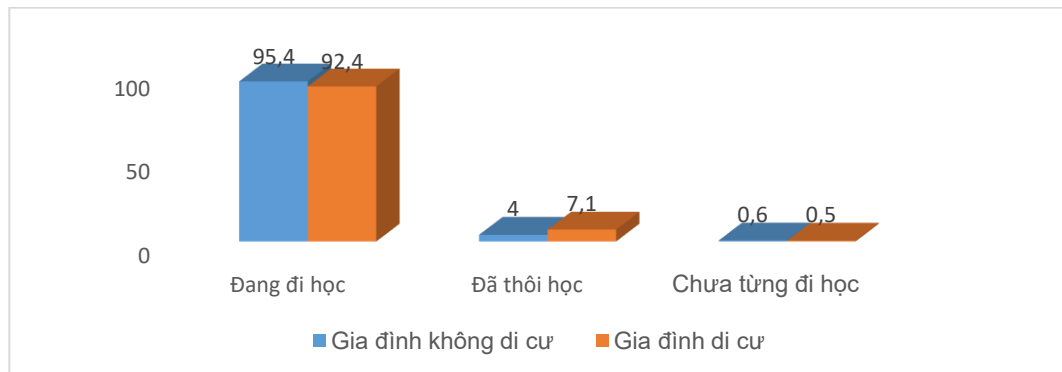
Nguồn: Kết quả Điều tra dân số và nhà ở tỉnh Nghệ An, 2019.

Tuy nhiên, nguồn lao động di cư được nhận định có thể tạo ra những vấn đề xã hội nghiêm trọng, như trong gia đình thiếu vắng người mẹ, người bố, việc chăm sóc trẻ em phụ thuộc vào ông bà, làm ảnh hưởng đến kết quả học tập và tâm lý trẻ em, làm tăng nguy cơ bị xâm hại tình dục ở trẻ em. Cùng với đó, việc chăm sóc người già ở những gia đình có người di cư cũng là một vấn đề, do thiếu con cái chăm sóc lúc ốm đau khiến người già trở nên cô đơn. Theo báo cáo của UNICEF và Bộ Giáo dục và Đào tạo, việc di cư của trẻ em nhỏ theo bố mẹ và tự di cư của trẻ em lớn để tìm việc làm vẫn là một rào cản đáng kể ngăn trở việc trẻ em đến trường. Năm 2014, các gia đình di cư có tỷ lệ trẻ em ngoài nhà trường cao hơn các gia đình không di cư 1,2 lần ở độ tuổi 5 tuổi, 1,6 lần ở độ tuổi tiểu học, và 1,7 lần ở độ tuổi trung học cơ sở (UNICEF, Bộ Giáo dục và Đào tạo, UNESCO, 2016). Số liệu Điều tra dân số và nhà ở năm 2019 tại Nghệ An cũng cho thấy, trẻ em dưới 18 tuổi trong gia đình di cư có tỷ lệ đã thôi học cao hơn so với trẻ em cùng độ tuổi ở gia đình không di cư. Thiếu sự quan tâm của cha mẹ, hạn chế trong tiếp cận trường học công lập... có thể là lý do khiến trẻ em trong gia đình di cư hạn chế hơn về cơ hội học tập.

² Nguồn nước sạch trong sinh hoạt được quy định theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025 (gồm: nước máy, giếng khoan, giếng đào được bảo vệ, nước khe/ mỏ được bảo vệ và nước mưa, nước đóng chai bình).

Biểu đồ 4: Tình trạng đi học của trẻ em dưới 18 tuổi ở gia đình di cư và gia đình không di cư

Đơn vị: %



Nguồn: Kết quả Điều tra dân số và nhà ở tỉnh Nghệ An, 2019.

Những tác động tiêu cực của di cư cũng được cán bộ địa phương khẳng định: “Tại Nghệ An, tình trạng người di cư rất đông, gồm cả di cư quốc tế và di cư đến các khu công nghiệp phía Nam và phía Bắc. Ở miền núi và nông thôn, việc ông bà nuôi cháu, ảnh hưởng đến chăm sóc dinh dưỡng và chất lượng học tập của trẻ em,... Người già cũng bận bịu hơn thay vì có thời gian nghỉ ngơi, tập thể dục,... Đặc biệt là nguy cơ nảy sinh tình trạng xâm hại trẻ em khi thiếu vắng sự quan tâm chăm sóc thường xuyên của cha mẹ là một trong những ảnh hưởng rất quan ngại từ những gia đình có cha mẹ di cư” (Trao đổi của đại diện Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình tỉnh Nghệ An).

4. Thảo luận và kết luận

Nhiều nghiên cứu đã chỉ ra rằng, di cư tạo ra cả những tác động tích cực và tiêu cực cho sự phát triển kinh tế - xã hội ở cả nơi đến và nơi đi. Trong đó, tác động tích cực đối với nơi đi là giải quyết được các vấn đề lao động dư thừa, giảm tỷ lệ thất nghiệp, xóa đói giảm nghèo, đóng góp phát triển quê hương; cùng với đó, tạo nguồn lao động có chất lượng khi họ trở về quê hương, bởi người di cư đi làm việc ở nơi khác sẽ học được các kỹ năng, nâng cao tay nghề, và đặc biệt là kỹ năng mềm, trong mọi lĩnh vực. Về tác động tiêu cực, di cư sẽ làm thiếu hụt lao động ở một số ngành, nghề, làm cản trở việc thực hiện các kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế của nơi đi, tạo ra các hệ lụy xã hội. Những phân tích về lợi ích và nguy cơ đặt ra đối với việc di cư được phân tích ở trên cũng hoàn toàn tương đồng với nhận định của người dân - là người nhà có người di cư ở địa phương (như bảng dưới đây).

Bảng 4: Tác động của di cư quốc tế đối với kinh tế xã hội của địa phương

Tác động tích cực	Tác động tiêu cực
Có công việc làm tốt. Thu nhập cao giúp cải thiện mức sống gia đình (có nhà cao tầng, xe hơi).	Người lao động đi làm việc ở nước ngoài vất vả để làm việc, tăng giờ, tăng ca vì tâm lý chỉ đi làm 3-6 năm.
Có nguồn vốn để phát triển kinh tế ở địa phương.	Ảnh hưởng tới quan hệ gia đình: xa cách, thiếu thốn tình cảm gia đình, có thể ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình.
Có nguồn tích lũy cho cuộc sống sau này.	Vấn đề chăm sóc và giáo dục trẻ em: Nhiều gia đình trẻ để lại con cho cha mẹ họ (thường là
Có nguồn tài chính tham gia các hoạt động đóng góp cho địa phương/ các hoạt động của cộng	

đồng (làm đường, các quỹ phát triển cộng đồng). Các công trình, lễ hội ở địa phương nhờ có sự đóng góp của người di cư được xây dựng mới, sửa sang/ tổ chức thường xuyên hơn, quy mô lớn hơn (xây công làng, tổ chức các lễ hội thành lập làng).

người cao tuổi). Sự thiếu vắng sự chăm sóc, giáo dục của cha mẹ có thể dẫn đến tình trạng trẻ em hư, vướng vào tệ nạn xã hội.

Địa phương thiếu hụt lực lượng lao động trẻ.

Nguồn: Phỏng vấn người dân ở thị xã Hoàng Mai, Nghệ An.

Qua phân tích mối quan hệ giữa di cư với phát triển kinh tế xã hội tại Nghệ An, có thể thấy một số vấn đề cần quan tâm như sau:

Thứ nhất, cho đến nay, mức thu nhập và khoản tiền gửi về của lao động di cư trong nước và ngoài nước từ Nghệ An chưa được thống kê và tính toán để có đánh giá đầy đủ về tác động của di cư tới phát triển kinh tế. Mặc dù vậy, số liệu ước tính về mức thu nhập theo nhóm nghề của từng nhóm di cư đã cho thấy mối quan hệ chặt chẽ giữa việc di cư và tăng thu nhập. Tuy nhiên, nguồn thu nhập từ di cư gặp thách thức bởi những rủi ro từ dòng di cư tự phát qua biên giới và ảnh hưởng dịch bệnh Covid-19 trên toàn cầu trong những năm qua. Nó gợi ra sự cần thiết của các biện pháp hỗ trợ lao động di cư chịu ảnh hưởng bởi dịch bệnh và các giải pháp thúc đẩy di cư an toàn. Ví dụ như thiết lập cơ sở dữ liệu về lao động di cư/ phần mềm quản lý lao động di cư để quản lý tốt hơn người lao động di cư, có thể kết nối và hỗ trợ người di cư kịp thời trong các trường hợp gặp rủi ro trong quá trình di cư; quản lý doanh nghiệp hoạt động dịch vụ đưa người Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài hiệu quả; có chế tài ràng buộc trách nhiệm của doanh nghiệp để đảm bảo hiệu quả trong kết nối người lao động với công việc đúng như thỏa thuận, hỗ trợ người lao động trong trường hợp người lao động gặp khó khăn, rủi ro về công việc. Đồng thời, phí tuyển dụng thấp cũng sẽ góp phần làm giảm số lượng lao động (cả nam và nữ) sử dụng các kênh không hợp thức để đi lao động ở nước ngoài (hiện nay, phí tuyển dụng và các chi phí liên quan đến việc di cư theo con đường chính thức thường quá cao. Chi phí tuyển dụng trung bình của lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài khoảng 165 triệu đồng (Thu Hằng, 2022). Ngoài ra, cần có các chương trình tái hòa nhập cho người lao động di cư trở về địa phương, đặc biệt đối với lao động di cư trở về do ảnh hưởng dịch Covid-19 (người lao động di cư bị mất việc làm, thất nghiệp, không có thu nhập): hỗ trợ việc làm tức thời để đảm bảo thu nhập cho người lao động, đào tạo nghề, hỗ trợ vốn vay ưu đãi,...

Thứ hai, dòng di cư từ các địa bàn thuộc Nghệ An tới các tỉnh thành và quốc gia khác đã góp phần giải quyết việc làm cho một tỷ lệ đáng kể lao động ở địa phương. Trong khi việc cải thiện chất lượng nguồn lao động được ghi nhận ở nhóm di cư quốc tế (qua tỷ lệ đào tạo nghề trước khi đi làm việc ở nước ngoài) thì điều này chưa thể được kiểm chứng đối với nhóm di cư nội địa do thiếu nguồn số liệu và dữ liệu đánh giá. Tuy nhiên, tỷ lệ lao động đi làm việc ở nước ngoài được đào tạo còn có sự chênh lệch đáng kể giữa các huyện/ thành phố. Thành phố Vinh và huyện Tương Dương là những địa bàn có tỷ lệ người lao động được đào tạo cao (gần 100%), trong khi ở các huyện Diễn Châu, huyện Thanh Chương, huyện Nghi Lộc, tỷ lệ này chiếm chưa đến 50%. Chiến lược đào tạo và sử dụng có hiệu quả lao động có tay nghề khi về nước, thông qua kết nối với các doanh nghiệp, giới thiệu việc làm phù hợp với trình độ, kỹ năng, tay nghề, cần được chú ý đến để đảm bảo khi về nước tay nghề của người lao động được phát huy.

Thứ ba, trẻ em và người cao tuổi trong các gia đình có thành viên di cư cần được đảm bảo chăm sóc về đời sống vật chất tương tự như các gia đình không di cư thông qua việc được tiếp cận về nhà ở, nước sạch và nhà tiêu hợp vệ sinh. Việc chăm sóc sức khỏe người cao tuổi và giáo dục trẻ em

trong gia đình có thành viên di cư vẫn đang là vấn đề cần quan tâm. Tỷ lệ trẻ em ngoài nhà trường ở các gia đình di cư cao hơn so với nhóm trẻ ở các gia đình không di cư. Vì thế, các chương trình hỗ trợ thành viên gia đình có người di cư trong chăm sóc và giáo dục trẻ em là rất cần thiết.

Nghệ An có điểm đặc thù riêng về điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội, khiến tỷ lệ di cư cao hơn so với các tỉnh, thành khác, nhưng động cơ di cư và tác động kinh tế xã hội của di cư ở Nghệ An mang tính phổ biến đối với dòng di cư ở các địa phương trong cả nước. Vì thế, các vấn đề đặt ra về quan hệ giữa di cư và phát triển kinh tế xã hội tại Nghệ An và những đề xuất quản lý, bảo vệ và hỗ trợ người di cư sẽ đem lại những dữ liệu để các địa phương khác và Chính phủ Việt Nam tham khảo trong việc đề xuất chính sách thúc đẩy dòng di cư an toàn, hiệu quả.

Tài liệu tham khảo

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Nghệ An (2017), *Báo cáo tình hình lao động Nghệ An dịch chuyển làm việc ở vùng biên giới*.
2. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Nghệ An (2021), *Số liệu thống kê nhanh lao động Nghệ An trở về từ vùng dịch*.
3. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Nghệ An (2022), *Báo cáo kết quả hoạt động đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng năm 2021*.
4. Tỉnh ủy Nghệ An, (2019), *Báo cáo Tình hình thực hiện Chỉ thị số 16-CT/TW ngày 08/05/2012 của Ban Bí thư khóa XI “về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đưa người lao động và chuyên gia Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài giai đoạn năm 2013 đến 2018”*.
5. Tổng cục Thống kê (2016), *Điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ 2014, di cư và đô thị hóa ở Việt Nam*, Nxb Thống tấn, Hà Nội.
6. Tổng cục Thống kê, UNFPA (2015), *Điều tra di cư nội địa quốc gia*.
7. UN Women, ADB, ILO, AusAid (2021), *Tổng quan về bình đẳng giới ở Việt Nam*.
8. UNCEF, Bộ Giáo dục và Đào tạo, UNESCO (2016), *Trẻ em ngoài nhà trường 2016*.
9. Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An (2020), *Kết quả thực hiện Đề án giải quyết việc làm cho người lao động trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2015-2020*.
10. Cục Thống kê Nghệ An (2021), “Thông cáo báo chí về tình hình kinh tế - xã hội tỉnh Nghệ An năm (2021)”, <http://thongke.nghean.gov.vn/tin-chuyen-nganh/thong-cao-bao-chi-ve-tinh-hinh-kinh-te-xa-hoi-tinh-nghe-an-nam-2021-413021>, truy cập ngày 16/6/2022.
11. Thu Hằng, (2022), “Lao động đi làm việc ở nước ngoài phải trả phí bình quân 165 triệu đồng”, <https://thanhnien.vn/lao-dong-di-lam-viec-o-nuoc-ngoai-phai-tra-phi-binh-quan-165-trieu-dong-post1488849.html>, truy cập ngày 26/9/2022.
12. Lê Ngọc Hùng (2018), “Các lý thuyết về di cư và vận dụng trong chính sách đối với dòng bào dân tộc thiểu số ở Việt Nam”, <http://lyluanchinhtri.vn/home/index.php/thuc-tien/item/2717-cac-ly-thuyet-ve-di-cu-va-van-dung-trong-chinh-sach-doi-voi-dong-bao-dan-toc-thieu-so-o-viet-nam.html>, truy cập ngày 30/7/2022.
13. Dương Thị Hồng Vân (2020), “Thực trạng và giải pháp tăng cường hiệu quả công tác xuất khẩu lao động tại Nghệ An”, <https://www.tapchicongthuong.vn/bai-viet/thuc-trang-va-giai-phap-tang-cuong-hieu-qua-cong-tac-xuat-khau-lao-dong-tai-nghe-an-71234.htm>, truy cập ngày 16/6/2022.